

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU – TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **18/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 15 tháng 07 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bình**

2. Ông **Ngô Văn Sỹ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Ái Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2019 về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Bích Th** – Sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 26 Xuân T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Phạm Sỹ Tr** - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 26 Xuân T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Sỹ Tr kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H (nay là phường H), quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Tổ 26 Xuân T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ông Tr không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, bạo hành gia đình. Tôi đã vì các con mà nhẫn nhịn bỏ qua nhiều lần nhưng ông Tr vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, tôi không còn tình cảm với ông Tr, mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Sỹ Tr.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác nhận có 02 con chung Phạm Sỹ S - Sinh ngày 01.6.2001 và Phạm Thùy D – Sinh ngày 07.12.2004.

Con chung Phạm Sỹ S - Sinh ngày 01.6.2001 đã thành niên nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ly hôn tôi có nguyện vọng xin nuôi con chung Phạm Thùy D – Sinh ngày 07.12.2004 và không yêu cầu ông Phạm Sỹ Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn là ông Phạm Sỹ Tr không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích Th cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08.5.2019; ngày 23.5.2019 và ngày 06.6.2019 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Phạm Sỹ Tr chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích Th xin ly hôn đối với ông Phạm Sỹ Tr.

Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích Th, giao con chung Phạm Thùy D – Sinh ngày 07.12.2004 cho bà Th nuôi dưỡng, ông Phạm Sỹ Tr không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Phạm Sỹ Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại các Điều 208; 209; 210; 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Phạm Sỹ Tr vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Phạm Sỹ Tr có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào năm 2001. Việc kết hôn giữa bà Th và ông Tr là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Tr là hợp pháp.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Bích Th xác nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà Th thì nguyên nhân do là bất đồng quan điểm sống. Ông Tr không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn bạo hành gia đình, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà Th, ông Tr cũng thể hiện nội dung như bà Th đã trình bày.

Tại phiên tòa bà Th khẳng định đã hết tình cảm với ông Phạm Sỹ Tr nên mong muốn được ly hôn. Bị đơn ông Phạm Sỹ Tr quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng đều không có mặt để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà Th, điều này thể hiện thái độ thiếu thiện chí trong việc hàn gắn hôn nhân đồng thời chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Tr, bà Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Bích Th xác nhận có 02 con chung Phạm Sỹ S - Sinh ngày 01.6.2001 và Phạm Thùy D – Sinh ngày 07.12.2004. Ông Phạm Sỹ Tr không có ý kiến phản đối nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận việc Ông Tr và bà Th có 02 con chung là sự thật.

Con chung Phạm Sỹ S - Sinh ngày 01.6.2001 đã thành niên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn bà Th mong muốn được nuôi con chung Phạm Thùy D – Sinh ngày 07.12.2004 và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Sỹ Tr không trình bày ý kiến về vấn đề con chung. Từ khi bà Th và Ông Tr mâu thuẫn cho đến nay bà Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bản thân bà cũng có công việc và thu nhập ổn định. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 08.05.2019 cháu Phạm Thùy D có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét việc giao con chung cháu Phạm Thùy D – Sinh ngày 07.12.2004 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu được nuôi con chung của bà Th được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Bích Th không yêu cầu ông Phạm Sỹ Tr phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị Bích Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Bích Th xác nhận không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Sỹ Tr không có ý kiến gì đối với các vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này bà Th, ông Tr có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Bích Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích Th.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích Th – sinh năm 1983 được ly hôn với ông Phạm Sỹ Tr – sinh năm 1979.

Giấy Đăng ký kết hôn số 21 ngày 06.03.2001 của Ủy ban nhân dân phường H (nay là H), quận L, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Thùy D – Sinh ngày 07.12.2004 cho bà Nguyễn Thị Bích Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Sỹ Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Bích Th phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0006107 ngày 27.03.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Nguyễn Thị Bích Th đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15.07.2019.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Liên Chiểu;
- UBND phường H, quận L;
- Sở tư pháp;
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thủy